

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BANG
KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NGÔN NGỮ QUỐC TẾ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

NGÀNH HÀN QUỐC HỌC
(Áp dụng từ năm học 2019 - 2020)

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Phê duyệt theo Quyết định số: 425 /QĐ-HIU ngày 8 tháng 8 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng)*

Tên chương trình : **Hàn Quốc học**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Hàn Quốc học**
Mã ngành : **7310614**
Loại hình đào tạo : **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực Hàn Quốc học có chất lượng quốc tế trên cơ sở Chương trình đào tạo tương đương Chương trình đào tạo của Trường Đại học Konkuk, Trường Đại học Quốc gia Chungbuk, Trường Đại học Nữ Seoul – Hàn Quốc đảm bảo sau khi tốt nghiệp ra trường sinh viên có đủ kiến thức, năng lực tham gia vào thị trường lao động trong nước, khu vực và toàn cầu thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc.

1.2. Chuẩn đầu ra sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

❖ Kiến thức

- Kiến thức chung về Khoa học xã hội và Nhân văn
 - + Có kiến thức tổng quát về thế giới: Lịch sử, văn hóa, chính trị và kinh tế.
 - + Có kiến thức sâu về khu vực và Việt Nam: Lịch sử và văn hóa
 - + Nắm rõ chủ trương, đường lối, chính sách và pháp luật Việt Nam
- Kiến thức ngành Hàn Quốc học
 - + Có kiến thức tổng quát về Hàn Quốc: Văn hóa, chính trị, kinh tế, lịch sử và xã hội Hàn Quốc
 - + Nắm vững bản chất và đặc điểm của ngôn ngữ Hàn Quốc: Ngữ âm, ngữ pháp và hình thái học

❖ Năng lực tư duy

- Tư duy tổng hợp
 - + Có khả năng hệ thống hóa và mô phỏng ngôn ngữ
 - + Có khả năng tự học suốt đời
- Tư duy phản biện
 - + Có khả năng xây dựng lập luận hợp lý và đưa ra các nhận xét mang tính khách quan đa chiều

❖ Kỹ năng

- Kỹ năng làm việc

- + Có khả năng thuyết trình, lập luận và phản biện
- + Có khả năng sử dụng thuần thục CNTT cho công việc
- + Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả
- Kỹ năng nghề nghiệp
 - + Sử dụng tiếng Hàn thành thục và giao tiếp tốt tiếng Anh.
 - + Có khả năng biên phiên dịch tiếng Hàn – Việt, Việt – Hàn
 - + Thuyết trình hoặc diễn đạt các vấn đề một cách trôi chảy bằng hai ngôn ngữ: Việt – Hàn, Hàn – Việt.

❖ **Thái độ**

- Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân.
- Có trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ.
- Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.
- Có ý thức phục vụ cộng đồng hiệu quả

❖ **Vị trí sau khi tốt nghiệp**

- Biên phiên dịch viên tiếng Hàn (làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước).
- Nhân viên hành chính hoặc thư ký văn phòng (làm việc tại Đại sứ quán, Lãnh sự quán của Hàn Quốc đặt tại Việt Nam, các tổ chức quỹ quốc tế tại Việt Nam như Korea Foundation, KOICA [Korea International Cooperation Agency]).
- Hướng dẫn viên kiêm thông dịch viên (cho các công ty lữ hành du lịch).
- Giảng dạy tiếng Hàn (cho người Việt) và tiếng Việt (cho người Hàn).
- 100% sinh viên tốt nghiệp được giới thiệu việc làm với các tổ chức, công ty, doanh nghiệp có liên quan đến sử dụng tiếng Hàn và văn hóa Hàn Quốc.

❖ **Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có thể tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn và nhận học bổng theo học các bậc đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ tại Hàn Quốc theo các chuyên ngành khác nhau mà bản thân có ý định nghiên cứu.
- Tự học tập suốt đời, tự nghiên cứu các vấn đề một cách khoa học để nắm vững kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 138 tín chỉ (chưa tính TC GDTC & GDQP AN)

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT); Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2015/QĐ-DHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

6. Thang điểm: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8

năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư 57/2012/TT-BGDĐT); Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2015/QĐ-DHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần)

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			38	
Khối kiến thức đại cương bắt buộc			32	
7.1.1. Lí luận Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh			11	
1	05068	Triết học Mác – Lê Nin	3 (3,0,6)	
2	05069	Kinh tế Chính trị Mác – Lê Nin	2 (2,0,4)	
3	05070	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	2 (2,0,4)	
4	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2 (2,0,4)	
5	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0,4)	
7.1.2. Khoa học xã hội			5	
1	00042	Pháp luật đại cương	2 (2,0,4)	
2	04808	Tư duy biện luận	3 (3,0,6)	
7.1.3. Ngoại ngữ			14	
1	02764	Intensive English-A1a	3 (3,0,6)	
2	02765	Intensive English-A1b	4 (4,0,8)	
3	02766	Intensive English-A2a	3 (3,0,6)	
4	02767	Intensive English-A2b	4 (4,0,8)	
7.1.4. Tin học			2	
1	00008	Tin học đại cương	2 (1,1,3)	
Khối kiến thức đại cương tự chọn			6	
1	04178	Xã hội học đại cương	2 (1,1,3)	
2	04179	Tâm lý học đại cương	2 (1,1,3)	
3	04180	Lịch sử văn minh thế giới	2 (1,1,3)	
4	04181	Ngôn ngữ học đối chiếu	2 (1,1,3)	
5	04182	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2 (1,1,3)	
6	04183	Khu vực học nhập môn	2 (1,1,3)	
7	04184	Tiếng Việt thực hành	2 (1,1,3)	
8	04185	Phương pháp học đại học	2 (1,1,3)	
9	04187	Giao tiếp văn hóa	2 (1,1,3)	
7.1.5. Giáo dục thể chất			3	
1	00044	Giáo dục thể chất 1 (*)	1 (0,1,1)	
2	00045	Giáo dục thể chất 2 (*)	1 (0,1,1)	
3	03066	Giáo dục thể chất 3 (*)	1 (0,1,1)	
7.1.6. Giáo dục quốc phòng			8	
1	02309	LT- Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5 (5,0,10)	

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
2	02310	TH- Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3 (0,3,3)	
7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			64	
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			56	
1	04189	Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 1	3 (2,1,5)	
2	04188	Nghe nói tiếng Hàn sơ cấp 1	3 (2,1,5)	
3	04190	Đọc viết tiếng Hàn sơ cấp 1	2 (1,1,3)	
4	04192	Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 2	3 (2,1,5)	
5	05355	Nghe nói tiếng Hàn sơ cấp 2	3 (2,1,5)	
6	04193	Đọc viết tiếng Hàn sơ cấp 2	2 (1,1,3)	
7	04195	Ngữ pháp tiếng Hàn sơ trung cấp	3 (2,1,5)	
8	05357	Nghe tiếng Hàn sơ trung cấp	2 (1,1,3)	
9	05358	Nói tiếng Hàn sơ trung cấp	2 (1,1,3)	
10	04196	Đọc viết tiếng Hàn sơ trung cấp	2 (1,1,3)	
11	04198	Ngữ pháp tiếng Hàn trung cấp 1	3 (2,1,5)	
12	05359	Nghe tiếng Hàn trung cấp 1	2 (1,1,3)	
13	05360	Nói tiếng Hàn trung cấp 1	2 (1,1,3)	
14	04199	Đọc viết tiếng Hàn trung cấp 1	2 (1,1,3)	
15	05361	Kỹ năng viết Topik I	2 (1,1,3)	
16	04201	Ngữ pháp tiếng Hàn trung cấp 2	3 (2,1,5)	
17	05362	Nghe tiếng Hàn trung cấp 2	2 (1,1,3)	
18	05363	Nói tiếng Hàn trung cấp 2	2 (1,1,3)	
19	04202	Đọc viết tiếng Hàn trung cấp 2	2 (1,1,3)	
20	04204	Ngữ pháp tiếng Hàn trung cao cấp	3 (2,1,5)	
21	05364	Nghe tiếng Hàn trung cao cấp	2 (1,1,3)	
22	05365	Nói tiếng Hàn trung cao cấp	2 (1,1,3)	
23	04205	Đọc viết tiếng Hàn trung cao cấp	2 (1,1,3)	
24	05366	Kỹ năng viết Topik II	2 (1,1,3)	
7.2.2. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			8	
1	05367	Cấu tạo từ và câu trong tiếng Hàn	2 (1,1,3)	
2	04207	Địa lý, kinh tế và xã hội Hàn Quốc	2 (1,1,3)	
3	04820	Lịch sử Hàn Quốc	2 (1,1,3)	
4	05368	Văn hóa Hàn Quốc	2 (1,1,3)	
7.3 Kiến thức bổ trợ			36	
7.3.1 Kiến thức bổ trợ bắt buộc			20	
1	05369	Văn học và nghệ thuật Hàn Quốc	3 (3,0,6)	
2	04209	Tiếng Hàn thương mại	3 (2,1,5)	
3	04212	Biên phiên dịch tiếng Hàn	2 (1,1,3)	
7.3.2 Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp (có điều kiện – điểm trung bình từ 8.0 trở lên)				
1	04213	Thực tập tốt nghiệp	6 (0,6,6)	

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
2	04214	Khóa luận tốt nghiệp (có điều kiện – điểm trung bình từ 8.0 trở lên)	6 (0,6,6)	
Môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp				
7.1	05370	Phương pháp nghiên cứu Hàn Quốc học	3 (3,0,6)	
7.2	05371	Kỹ năng giao tiếp với người Hàn	3 (3,0,6)	
7.3.3 Kiến thức bổ trợ tự chọn			16	
1	04217	Nghiệp vụ ngoại giao	2 (1,1,3)	
2	04218	Đàm phán quốc tế	2 (1,1,3)	
3	04219	Truyền thông quốc tế	2 (1,1,3)	
4	04220	Nghiệp vụ thư ký văn phòng đối ngoại	2 (1,1,3)	
5	04221	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	2 (1,1,3)	
6	04222	Nghiệp vụ du lịch	2 (1,1,3)	
7	04223	Tiếng Hàn thời sự	2 (1,1,3)	
8	04224	Âm vị học tiếng Hàn	2 (1,1,3)	
9	04225	Hình thái học tiếng Hàn	2 (1,1,3)	
10	04226	Văn ứng dụng	2 (1,1,3)	
11	04227	Biên phiên dịch tiếng Hàn nâng cao	2 (1,1,3)	
12	04228	Văn hóa Doanh nghiệp Hàn Quốc	2 (1,1,3)	
13	04229	Phương pháp giáo dục tiếng Hàn	2 (1,1,3)	
14	04230	Tin học ứng dụng (Hangul)	2 (1,1,3)	
15	04231	Quan hệ đối ngoại của Hàn Quốc và Quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc	2 (1,1,3)	
16	04232	Xã hội Hàn Quốc hiện đại	2 (1,1,3)	
Tổng cộng toàn khóa			140	

8.1 Kế hoạch đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
HỌC KỲ 1			18	
1	02764	Intensive English-A1a	3 (3,0,6)	
2	02765	Intensive English-A1b	4 (4,0,8)	
3	04808	Tư duy biện luận	3 (3,0,6)	
4	04189	Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 1	3 (2,1,5)	
5	04188	Nghe nói tiếng Hàn sơ cấp 1	3 (2,1,5)	
6	04190	Đọc viết tiếng Hàn sơ cấp 1	2 (1,1,3)	
HỌC KỲ 2			15	
1	02766	Intensive English-A2a	3 (3,0,6)	
2	02767	Intensive English-A2b	4 (4,0,8)	
3	04192	Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 2	3 (2,1,5)	
4	04191	Nghe nói tiếng Hàn sơ cấp 2	3 (2,1,5)	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
5	04193	Đọc viết tiếng Hàn sơ cấp 2	2 (1,1,3)	
HỌC KỲ HÈ 1				
Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, ...				
HỌC KỲ 3			15	
1	00008	Tin học Đại cương	2 (1,1,3)	
2	04195	Ngữ pháp tiếng Hàn sơ trung cấp	3 (2,1,5)	
3	05357	Nghe tiếng Hàn sơ trung cấp	2 (1,1,3)	
4	05358	Nói tiếng Hàn sơ trung cấp	2 (1,1,3)	
5	04196	Đọc viết tiếng Hàn sơ trung cấp	2 (1,1,3)	
Môn học tự chọn (chọn 2 trong 6 môn)			4	
6	04185	Phương pháp học Đại học	2 (1,1,3)	
7	04180	Lịch sử văn minh thế giới	2 (1,1,3)	
8	04184	Tiếng Việt thực hành	2 (1,1,3)	
9	04181	Ngôn ngữ học đối chiếu	2 (1,1,3)	
10	04183	Khu vực học nhập môn	2 (1,1,3)	
11	04178	Xã hội học đại cương	2 (1,1,3)	
HỌC KỲ 4			17	
1	00042	Pháp luật đại cương	2 (2,0,4)	
2	04198	Ngữ pháp tiếng Hàn trung cấp 1	3 (2,1,5)	
3	05359	Nghe tiếng Hàn trung cấp 1	2 (1,1,3)	
4	05360	Nói tiếng Hàn trung cấp 1	2 (1,1,3)	
5	04199	Đọc viết tiếng Hàn trung cấp 1	2 (1,1,3)	
6	05361	Kỹ năng viết Topik I	2 (1,1,3)	
7	04207	Địa lý, kinh tế và xã hội Hàn Quốc	2 (1,1,3)	
8	05367	Cấu tạo từ và câu trong tiếng Hàn	2 (1,1,3)	
HỌC KỲ HÈ 2				
Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, ...				
HỌC KỲ 5			18	
1	05068	Triết học Mác – Lê Nin	3 (3,0,6)	
2	04201	Ngữ pháp tiếng Hàn trung cấp 2	3 (2,1,5)	
3	05362	Nghe tiếng Hàn trung cấp 2	2 (1,1,3)	
4	05363	Nói tiếng Hàn trung cấp 2	2 (1,1,3)	
5	04202	Đọc viết tiếng Hàn trung cấp 2	2 (1,1,3)	
Môn học tự chọn (chọn 3 trong 6 môn)			6	
6	04222	Nghiệp vụ du lịch	2 (1,1,3)	
7	04217	Nghiệp vụ ngoại giao	2 (1,1,3)	
8	04221	Nghiệp vụ Xuất nhập khẩu	2 (1,1,3)	
9	04179	Tâm lý học đại cương	2 (1,1,3)	
10	04182	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2 (1,1,3)	
11	04187	Giao tiếp văn hóa	2 (1,1,3)	
HỌC KỲ 6			19	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	05069	Kinh tế Chính trị Mác – Lê Nin	2 (2,0,4)	
2	05070	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	2 (2,0,4)	
3	04204	Ngữ pháp tiếng Hàn trung cao cấp	3 (2,1,5)	
4	05364	Nghe tiếng Hàn trung cao cấp	2 (1,1,3)	
5	05365	Nói tiếng Hàn trung cao cấp	2 (1,1,3)	
6	04205	Đọc viết tiếng Hàn trung cao cấp	2 (1,1,3)	
7	05366	Kỹ năng viết Topik II	2 (1,1,3)	
Kiến thức bổ trợ tự chọn (chọn 2 trong 5 môn)			4	
8	04230	Tin học ứng dụng (Hangul)	2 (1,1,3)	
9	04218	Đàm phán Quốc tế	2 (1,1,3)	
10	04226	Văn ứng dụng	2 (1,1,3)	
11	04223	Tiếng Hàn thời sự	2 (1,1,3)	
12	04219	Truyền thông quốc tế	2 (1,1,3)	
HỌC KỲ HÈ 3				
Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, ...				
HỌC KỲ 7			17	
1	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2 (2,0,4)	
2	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0,4)	
3	04820	Lịch sử Hàn Quốc	2 (1,1,3)	
4	05368	Văn hóa Hàn Quốc	2 (1,1,3)	
5	04212	Biên phiên dịch tiếng Hàn	2 (1,1,3)	
6	04209	Tiếng Hàn thương mại	3 (2,1,5)	
Môn học tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)			4	
7	04229	Phương pháp giáo dục tiếng Hàn	2 (1,1,3)	
8	04220	Nghiệp vụ thư ký văn phòng đối ngoại	2 (1,1,3)	
9	04231	Quan hệ đối ngoại của Hàn Quốc và Quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc	2 (1,1,3)	
10	04232	Xã hội Hàn Quốc hiện đại	2 (1,1,3)	
HỌC KỲ 8			19	
1	05369	Văn học và nghệ thuật Hàn Quốc	3 (3,0,6)	
2	04213	Thực tập tốt nghiệp	6 (0,6,6)	
3	04214	Khóa luận tốt nghiệp (có điều kiện – điểm trung bình đạt từ 8.0 trở lên)	6 (0,6,6)	
Môn học thay thế khóa luận				
3.1	05370	Phương pháp nghiên cứu Hàn Quốc học	3 (3,0,6)	
3.2	05371	Kỹ năng giao tiếp với người Hàn	3 (3,0,6)	
Môn học tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)			4	
4	04228	Văn hóa Doanh nghiệp Hàn Quốc	2 (1,1,3)	
5	04227	Biên phiên dịch tiếng Hàn nâng cao	2 (1,1,3)	
6	04225	Hình thái học tiếng Hàn	2 (1,1,3)	
7	04224	Âm vị học tiếng Hàn	2 (1,1,3)	
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			138	

Ghi chú:

- Các học phần GDTC-ANQP sinh viên tự đăng ký học trong 3 năm đầu của khóa học.
- Các học kỳ hè: các Khoa chủ động cho sinh viên đăng ký trả nợ hoặc học vượt...

8.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

❖ Chương trình giáo dục đại học này được thiết kế dựa trên văn bản sau:

- Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT;
- Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT Ngày 17 tháng 2 năm 2011 Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ, tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;
- Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 518./QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 1997 thành lập trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng;
- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2015/QĐ-DHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

❖ Yêu cầu đối với sinh viên ngành Hàn Quốc học và giảng viên

- Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Viện Khoa học Xã hội và Ngôn ngữ Quốc tế; Ngành Hàn Quốc học - Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện đầy đủ các danh mục các học phần theo đúng quy định của khung chương trình đào tạo.
- Đề cương chi tiết học phần kèm theo chương trình này là cơ sở để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nề nếp; thực hiện nội dung giảng dạy và nội dung của các đề thi kết thúc học phần.
- Giảng viên giảng dạy mỗi học phần có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và có chất lượng cao các nội dung dạy và học trong đề cương chi tiết môn học; đảm bảo chính xác phân phối tỷ lệ giờ: Lý thuyết, thảo luận, bài tập thực hành, tự học.
- Lớp học mở theo đăng ký của sinh viên. Mỗi lớp học có ít nhất 20 sinh viên đăng ký trở lên.
- Thời gian cho sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ theo quy chế đào tạo của trường. Khi tích lũy đủ số tín chỉ qui định trong khung chương trình đào tạo thì sinh viên mới được xét cấp bằng tốt nghiệp.

8. Mô tả vắn tắt môn học

❖ Triết học Mác – Lênin

Người học có kiến thức khoa học nền tảng về Triết học Mác-Lênin. Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan.

❖ Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Kinh tế chính trị Mác- Lênin bao gồm 2 phần: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa và Lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về Chủ nghĩa xã hội.

❖ Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

❖ Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam

Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng khoa học lý luận về hệ thống quan điểm, cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng CSVN. Hiểu được phương thức triển khai thực hiện các nghị quyết, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

❖ **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH. Người học có thể nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của CNXHKKH, một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác – Lênin.

❖ **Pháp luật Đại cương**

Hiểu được những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các chế định cơ bản của các ngành luật.

❖ **Tin học đại cương**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; phần mềm hệ thống (hệ điều hành), phần mềm ứng dụng, phần mềm công cụ; Khai thác hệ điều hành phổ thông MS Windows; Sử dụng các phần mềm văn phòng để làm tài liệu, quản trị dữ liệu ở mức đơn giản; Sử dụng các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm tin tức.

❖ **Giáo dục thể chất**

Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng bao gồm: hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

❖ **Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết)**

Môn học có 5 tín chỉ đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Môn học giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

❖ **Giáo dục quốc phòng (Thực hành)**

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; đặc điểm tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối.

❖ **Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 1**

Học phần Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 1 được chia thành 22 mục ngữ pháp. Mỗi mục ngữ pháp được sắp xếp theo thứ tự là bài đối thoại định hướng, giải thích ngữ pháp, thực hành với mục đích giúp sinh viên làm quen với ngữ pháp không chỉ về mặt cấu trúc mà còn giúp sinh viên biết cách sử dụng đúng hoàn cảnh. Phần mở đầu giới thiệu sơ lược về tiếng Hàn, bảng chữ cái, cách đọc, phát âm và quy tắc viết.

❖ **Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 2**

Học phần Ngữ pháp tiếng Hàn 2 được chia thành 34 mục ngữ pháp. Mỗi mục ngữ pháp được sắp xếp theo thứ tự là bài đối thoại định hướng, giải thích ngữ pháp, thực hành với mục đích giúp sinh viên làm quen với ngữ pháp không chỉ về mặt cấu trúc mà còn giúp sinh viên biết cách sử dụng đúng hoàn cảnh.

❖ **Ngữ pháp tiếng Hàn sơ trung cấp**

Môn học Ngữ pháp tiếng Hàn sơ trung cấp được chia thành 50 mục ngữ pháp. Mỗi mục ngữ pháp được sắp xếp theo thứ tự là bài đối thoại định hướng, giải thích ngữ pháp, thực hành với mục đích giúp sinh viên làm quen với ngữ pháp không chỉ về mặt cấu trúc mà



còn giúp sinh viên biết cách sử dụng đúng hoàn cảnh. Cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng liên quan đến cuộc sống. Các hình thức luyện tập, vận dụng được kiến thức đã học tiến hành giao tiếp 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thuộc cấp tương đương.

❖ **Ngữ pháp tiếng Hàn trung cấp 1**

Môn học Ngữ pháp tiếng Hàn trung cấp 1 được chia thành 50 mục ngữ pháp. Mỗi mục ngữ pháp được sắp xếp theo thứ tự là bài đối thoại định hướng, giải thích ngữ pháp, thực hành với mục đích giúp sinh viên làm quen với ngữ pháp không chỉ về mặt cấu trúc mà còn giúp sinh viên biết cách sử dụng đúng hoàn cảnh.

❖ **Ngữ pháp tiếng Hàn trung cấp 2**

Môn học Ngữ pháp tiếng Hàn trung cấp được chia thành 50 mục ngữ pháp. Mỗi mục ngữ pháp được sắp xếp theo thứ tự là bài đối thoại định hướng, giải thích ngữ pháp, thực hành với mục đích giúp sinh viên làm quen với ngữ pháp không chỉ về mặt cấu trúc mà còn giúp sinh viên biết cách sử dụng đúng hoàn cảnh.

❖ **Ngữ pháp tiếng Hàn trung cao cấp**

Môn học Ngữ pháp tiếng Hàn trung cao cấp được chia thành 30 mục ngữ pháp. Mỗi mục ngữ pháp được sắp xếp theo thứ tự là bài đối thoại định hướng, giải thích ngữ pháp, thực hành với mục đích giúp sinh viên làm quen với ngữ pháp không chỉ về mặt cấu trúc mà còn giúp sinh viên biết cách sử dụng đúng hoàn cảnh.

❖ **Nghe nói tiếng Hàn sơ cấp 1**

Học phần này gồm tất cả 4 phần, mỗi phần chia thành nhiều chủ đề nhỏ khác nhau. Phần mở đầu giới thiệu sơ lược về tiếng Hàn, bảng chữ cái, cách đọc, phát âm và quy tắc viết. Mỗi chủ đề gồm bài khóa, từ vựng, ngữ pháp, các bài tập nhỏ. Các hình thức luyện tập làm quen với kiến thức mở đầu về tiếng Hàn, vận dụng được kiến thức đã học tiến hành giao tiếp sơ cấp.

❖ **Nghe nói tiếng Hàn sơ cấp 2**

Học phần này gồm tất cả 5 phần, mỗi phần chia thành nhiều chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi chủ đề gồm bài khóa, từ vựng, các bài tập thực hành nhỏ. Vận dụng được kiến thức đã học tiến hành giao tiếp sơ cấp.

❖ **Nghe tiếng Hàn sơ trung cấp**

Học phần này gồm tất cả 10 phần, mỗi phần chia thành nhiều chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi chủ đề gồm bài khóa, từ vựng, các bài tập thực hành nhỏ. Vận dụng được kiến thức đã học tiến hành giao tiếp.

❖ **Nghe tiếng Hàn trung cấp 1**

Học phần này gồm tất cả 10 chương mỗi chương chia thành 2 chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi chủ đề gồm Dẫn nhập, từ vựng liên quan chủ đề, nghe trả lời câu hỏi, nói. Mỗi chủ đề là một tình huống cụ thể liên quan đến các mặt trong cuộc sống của người Hàn Quốc.

❖ **Nghe tiếng Hàn trung cấp 2**

Học phần này gồm tất cả 10 chương mỗi chương chia thành 2 chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi chủ đề gồm Dẫn nhập, từ vựng liên quan chủ đề, nghe trả lời câu hỏi, nói. Mỗi chủ đề là một tình huống cụ thể liên quan đến các mặt trong cuộc sống của người Hàn Quốc.

❖ **Nghe tiếng Hàn trung cao cấp**

Học phần này gồm tất cả 10 chương mỗi chương chia thành 2 chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi chủ đề gồm Dẫn nhập, từ vựng liên quan chủ đề, nghe trả lời câu hỏi, nói. Mỗi chủ

đề là một tình huống cụ thể liên quan đến các mặt trong cuộc sống của người Hàn Quốc.

❖ **Nói tiếng Hàn sơ trung cấp**

Học phần này gồm tất cả 10 phần, mỗi phần chia thành nhiều chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi chủ đề gồm bài khóa, từ vựng, các bài tập thực hành nhỏ. Vận dụng được kiến thức đã học tiến hành giao tiếp.

❖ **Nói tiếng Hàn trung cấp 1**

Học phần này gồm tất cả 10 chương mỗi chương chia thành 2 chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi chủ đề gồm Dẫn nhập, từ vựng liên quan chủ đề nói. Mỗi chủ đề là một tình huống cụ thể liên quan đến các mặt trong cuộc sống của người Hàn Quốc.

❖ **Nói tiếng Hàn trung cấp 2**

Học phần này gồm tất cả 10 chương mỗi chương chia thành 2 chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi chủ đề gồm Dẫn nhập, từ vựng liên quan chủ đề, nghe trả lời câu hỏi, nói. Mỗi chủ đề là một tình huống cụ thể liên quan đến các mặt trong cuộc sống của người Hàn Quốc.

❖ **Nói tiếng Hàn trung cao cấp**

Học phần này gồm tất cả 10 chương mỗi chương chia thành 2 chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi chủ đề gồm Dẫn nhập, từ vựng liên quan chủ đề nói. Mỗi chủ đề là một tình huống cụ thể liên quan đến các mặt trong cuộc sống của người Hàn Quốc.

❖ **Đọc viết tiếng Hàn sơ cấp 1**

Học phần này gồm tất cả 4 phần, mỗi phần chia thành 2 chủ đề nhỏ khác nhau. Phần mở đầu giới thiệu sơ lược về tiếng Hàn, bảng chữ cái, cách đọc, phát âm và quy tắc viết. Mỗi chủ đề gồm bài khóa, từ vựng, các bài tập nhỏ. Đọc hiểu đoạn văn ngắn, nắm được nội dung rồi trả lời câu hỏi theo từng mục.

❖ **Đọc viết tiếng Hàn sơ cấp 2**

Học phần này gồm tất cả 5 phần, mỗi phần chia thành các chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi chủ đề gồm bài khóa, từ vựng, các bài tập nhỏ. Đọc hiểu đoạn văn ngắn, nắm được nội dung rồi trả lời câu hỏi theo từng mục.

❖ **Đọc viết tiếng Hàn sơ trung cấp**

Học phần này gồm tất cả 10 phần, mỗi phần chia thành 2 chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi chủ đề gồm bài khóa, từ vựng, các bài tập nhỏ. Đọc hiểu đoạn văn ngắn, nắm được nội dung rồi trả lời câu hỏi theo từng mục. Dựa theo nội dung bài đọc hiểu, từ gợi ý để viết thành câu. Đoạn văn ngắn theo cấp tương đương.

❖ **Đọc viết tiếng Hàn trung cấp 1**

Học phần này gồm tất cả 10 phần, mỗi phần chia thành 2 chủ đề nhỏ. Mỗi chủ đề tương ứng với một thể loại văn phong của tiếng Hàn và các chủ đề liên hệ mật thiết tới cuộc sống của người Hàn, đồng thời có sự liên kết mật thiết với các chủ đề của môn Nghe nói Trung cấp 1, hình thành một hệ thống liên kỹ năng Nghe nói, Đọc viết.

❖ **Đọc viết tiếng Hàn trung cấp 2**

Học phần này gồm tất cả 10 phần, mỗi phần chia thành 2 chủ đề nhỏ. Mỗi chủ đề tương ứng với một thể loại văn phong của tiếng Hàn và các chủ đề liên hệ mật thiết tới cuộc sống của người Hàn, đồng thời có sự liên kết mật thiết với các chủ đề của môn Nghe nói Trung cấp 2, hình thành một hệ thống liên kỹ năng Nghe nói, Đọc viết.

❖ **Đọc viết tiếng Hàn trung cao cấp**

Học phần này gồm tất cả 10 phần, mỗi phần chia thành 2 chủ đề nhỏ. Mỗi chủ đề tương ứng với một thể loại văn phong của tiếng Hàn và các chủ đề liên hệ mật thiết tới cuộc sống của người Hàn, đồng thời có sự liên kết mật thiết với các chủ đề của môn Nghe nói Trung cao cấp, hình thành một hệ thống liên kỹ năng Nghe nói, Đọc viết.

❖ **Phương pháp học đại học**

Giúp sinh viên làm quen với môi trường đại học với những phương pháp học mang tính độc lập, thiết lập được kế hoạch phát triển bản thân, định hướng tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng qua các câu lạc bộ.

❖ **Lịch sử văn minh thế giới**

Môn học giúp sinh viên hiểu rõ những giai đoạn lớn trong lịch sử phát triển của loài người. Lý giải được tại sao xã hội loài người phát triển không ngừng. Qua đó hình thành ý thức trân trọng và bảo vệ những gì mà sinh viên đang được thụ hưởng từ mọi nền văn hóa khác nhau.

❖ **Khu vực học nhập môn**

Cung cấp những lý thuyết cơ bản về khu vực học, sự hình thành và phát triển khu vực học, vai trò của việc nghiên cứu khu vực học trong sự phát triển của khoa học hiện nay, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của khu vực học.

❖ **Xã hội học đại cương**

Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội, đối tượng nghiên cứu xã hội học, những khái niệm cơ bản và một số trường phái xã hội học. Đồng thời trang bị cho SV kỹ năng sử dụng các phương pháp định tính, định lượng trong nghiên cứu xã hội học

❖ **Cơ sở văn hóa Việt Nam**

Những vấn đề cơ bản, cần thiết hình thành nền văn hóa của dân tộc Việt Nam (cơ sở ngôn ngữ, phong tục, tập quán, tư tưởng của người Việt Nam, các thành tố hình thành văn hóa (văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, cá nhân; văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, xã hội...)).

❖ **Ngôn ngữ học đối chiếu**

Trình bày một cách đầy đủ, có hệ thống các kiến thức về ngôn ngữ học đối chiếu, về các thủ pháp đối chiếu, các nguyên tắc đối chiếu v.v... nhằm giúp sinh viên biết cách vận dụng chính xác các hiểu biết trên để phát triển kỹ năng học và sử dụng ngoại ngữ một cách chuẩn xác và nhuần nhuyễn.

❖ **Tiếng Việt thực hành**

Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về chính tả, cách viết hoa tiếng Việt, tiếng nước ngoài, dùng từ, cách sửa lỗi về dùng từ, đặt câu, cách sửa lỗi về đặt câu, tiếp nhận và tạo lập văn bản. Qua đó giúp SV có kỹ năng diễn đạt rõ ràng, chính xác một văn bản.

❖ **Tâm lý học đại cương**

Cung cấp những kiến thức liên quan đến tâm lý con người như bản chất tư duy, suy nghĩ và phát triển của các hiện tượng tâm lý.

❖ **Tư duy phản biện**

Môn học này sẽ thảo luận về những khái niệm, những quy tắc nên tảng, những nguyên lý, những quy luật và cách thức vận hành của tư duy nói chung. Trên cơ sở đó, sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả.

❖ **Giao tiếp văn hóa**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể khám phá ra những khác biệt văn hóa, những giá trị văn hóa đối lập và những khác biệt trong giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trên thế giới; đồng thời, có khả năng tổng hợp thông tin và áp dụng những lý thuyết này để phân tích những nền văn hóa quen thuộc (Việt Nam) và xa lạ hơn. (Hàn Quốc và những quốc gia có thể tiếp xúc sau này).

❖ **Cấu tạo từ và câu trong tiếng Hàn**

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ hiểu biết về các thể loại câu, cấu trúc câu từ đơn giản đến phức hợp, cách sử dụng từ và phân bổ từ trong việc hình thành câu trong tiếng Hàn.

❖ **Địa lý, kinh tế và xã hội Hàn Quốc**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên sẽ hiểu biết về vị trí địa lý của từng khu vực, nét đặc trưng vùng miền cũng như vị trí địa lý của Hàn Quốc trong khu vực và trên thế giới. Đồng thời, sinh viên sẽ hiểu biết về nền kinh tế Hàn Quốc theo các giai đoạn lịch sử trước và sau năm 1953 cũng như những đột phá về kinh tế tạo nên 'kỳ tích sông Hàn' và cấu trúc kinh tế Hàn Quốc hiện tại.

❖ **Lịch sử và văn hóa Hàn Quốc**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên sẽ hiểu biết về lịch sử Hàn Quốc qua các kỳ dựng nước, giai đoạn lịch sử phong kiến, giai đoạn nội chiến và phân chia 2 miền Nam Bắc. Đồng thời, sinh viên sẽ hiểu biết về văn hóa đặc trưng của Hàn Quốc như: ngôn ngữ, ẩm thực, trang phục, tôn giáo, lễ hội truyền thống và nghệ thuật truyền thống Hàn Quốc.

❖ **Tiếng Hàn Thương Mại**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên sẽ hiểu biết về các từ vựng chuyên ngành về kinh tế, thương mại, quản trị cũng như tìm hiểu tiếng Hàn chuyên ngành qua các hợp đồng thương mại, hợp đồng kinh tế...

❖ **Văn học và nghệ thuật Hàn Quốc**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên sẽ hiểu biết về các giai đoạn phát triển văn học và các tác phẩm tiêu biểu của nền văn học Hàn.

❖ **Kỹ năng giao tiếp với người Hàn Quốc**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên sẽ hiểu biết về các kỹ năng giao tiếp với người Hàn Quốc qua các trao đổi thực tế hoặc qua văn bản, thư tín...

❖ **Phương pháp nghiên cứu Hàn Quốc học**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên sẽ hiểu biết về các phương pháp nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành học, kỹ năng soạn thảo câu hỏi phỏng vấn, điều tra khảo sát và thu thập dữ liệu.

❖ **Tin học ứng dụng Hangeul**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên sẽ hoàn thiện kỹ năng đánh máy và soạn thảo văn bản bằng hệ thống ký tự tiếng Hàn, phục vụ trong học tập cũng như trong công việc.

❖ **Biên phiên dịch tiếng Hàn**

Sau khi hoàn thành môn học sinh viên sẽ hiểu biết về kỹ thuật dịch các tài liệu thực tế theo từng chủ đề : thuê nhà, ngoại thương, các lãnh vực chuyên môn v.v...theo phong cách văn phạm Hàn Quốc.

❖ **Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên sẽ hiểu biết về kết cấu của văn hóa doanh nghiệp qua các yếu tố để hình thành nét đặc trưng của doanh nghiệp Hàn Quốc.

❖ **Truyền thông quốc tế**

Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng sử dụng hiệu quả các công cụ PR truyền thống và hiện tại, phân tích ưu, nhược điểm và đánh giá việc sử dụng công cụ PR trong tình huống cụ thể. Biết cách xây dựng chiến lược truyền thông PR ngắn hạn, trung hạn, dài hạn. Thực hành công tác PR nội bộ trong các doanh nghiệp hiện nay như: biên tập bản tin nội bộ, xây dựng website, biên tập nội dung cho website, viết bài advertorial và editorial. Biết cách quản trị truyền thông, dự báo, phòng ngừa và xử lý khủng hoảng.

❖ **Nhiệm vụ thư ký văn phòng đối ngoại**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng về soạn thảo văn bản hành chính, lưu trữ văn bản, công văn... quy trình chuẩn bị và sắp xếp xếp ngày làm việc có hiệu quả, tổ chức dự toán chi phí hội nghị, hội thảo. Nắm vững vai trò, chức năng nhiệm vụ của thư ký, xây dựng hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức văn phòng làm việc.

❖ **Đàm phán quốc tế**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng: Khoa học về đàm phán (lý thuyết chung về xung đột và đàm phán; vai trò của đàm phán trong giải quyết xung đột quốc tế; các hình thức đàm phán ngoại giao; ảnh hưởng của yếu tố văn hóa), nghệ thuật đàm phán (nghệ thuật giao tiếp; các chiến lược và thủ thuật; thu thập thông tin, chuẩn bị phương án, giải pháp) và đàm phán thực hành (xây dựng đề án, tham gia các bài tập mô phỏng).

❖ **Nghiệp vụ xuất nhập khẩu**

Môn học giúp sinh viên thường xuyên được tiếp cận với các Hợp đồng XNK, Bộ chứng từ XNK, các tình huống, giao dịch trong XNK thực tế và thường xuyên được chia nhóm, thực hiện đóng vai (Cán bộ Công ty xuất nhập khẩu, đối tác kinh doanh, Cán bộ Ngân hàng...) để thực hành thảo luận, phân tích, thực hành nghiệp vụ cũng như đánh giá rủi ro các giao dịch XNK.

❖ **Văn ứng dụng**

Môn học nhằm hướng dẫn cho sinh viên làm quen với các loại văn bản thường gặp trong cuộc sống hàng ngày và trong công việc, đồng thời ứng dụng được những kiến thức đó vào thực tế

❖ **Hình thái học tiếng Hàn**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể nắm được nguyên lý hình thành từ vựng tiếng Hàn dựa vào sự kết hợp của các hình thái tố (hình vị), hoạt động từ vựng tiếng Hàn, loại hình ngôn ngữ của tiếng Hàn.

❖ **Âm vị học tiếng Hàn**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể lĩnh hội được kiến thức về cấu tạo và nguyên lý hình thành hệ thống âm tiết, các âm vị trong tiếng Hàn và các hiện tượng biến đổi về ngữ âm tiếng Hàn

❖ **Quan hệ đối ngoại của Hàn Quốc và Quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên nắm được kiến thức tổng quan về quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Hàn Quốc. Lịch sử bang giao, các lĩnh vực hợp tác từ kinh tế, văn hóa, giáo dục, triển vọng của mối quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Hàn Quốc trong tương lai.

❖ **Xã hội Hàn Quốc hiện đại**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên nắm được kiến thức về những vấn đề quan trọng về sự hình thành và biến đổi của xã hội Hàn Quốc từ truyền thống sang hiện đại và trong tương lai của xã hội Hàn Quốc. Như sự phát triển thần kì về kinh tế, dân số và gia đình, giáo dục và nghề nghiệp, cơ cấu xã hội, quan hệ xã hội, xã hội dân sự, vấn đề gia đình đa văn hóa v.v.

❖ **Biên phiên dịch tiếng Hàn nâng cao**

Cung cấp cho sinh viên kiến thức sâu hơn về lịch sử dịch thuật, những lý thuyết về dịch thuật và sinh viên sẽ hiểu biết về các kỹ năng khi phiên dịch thực tế hay dịch cabin cũng như kỹ thuật tốc ký khi dịch.

❖ **Tiếng Hàn thời sự**

Sinh viên sau khi hoàn thành môn học, có thể nắm bắt được kiến thức về từ vựng, cách thể hiện tiếng Hàn với văn phong thời sự, thông qua cách học tương tác liên tục với các bản tin video hoặc tin tức trên tạp chí Hàn Quốc.

❖ **Nghiệp vụ ngoại giao**

Cung cấp những kiến thức về ngoại giao, tính chất, yêu cầu, các hình thức ngoại giao, một số thuật ngữ ngoại giao, phép xã giao quốc tế.

❖ **Nghiệp vụ du lịch**

Cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động hướng dẫn du lịch, các nghiệp vụ hướng dẫn phục vụ khách du lịch trong quá trình thực hiện các chương trình du lịch.

❖ **Phương pháp giáo dục tiếng Hàn**

Trang bị kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cơ bản (cách thiết kế bài giảng, cấu trúc làm đề thi, phương pháp đánh giá và cho điểm...) về giảng dạy đại học cho các đối tượng. Đồng thời, sinh viên sẽ hiểu biết về các kỹ năng sư phạm về giảng dạy ngôn ngữ cũng như các phương pháp giáo dục tiếng hiệu quả nhất đối với người học.

❖ **Thực tập tốt nghiệp**

Sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp có các yếu tố liên quan đến Hàn Quốc để giúp sinh viên làm quen với thực tế công việc, trao đổi thêm kiến thức và kỹ năng giữa học tập và thực tế yêu cầu của các công ty bên ngoài nhà trường.

❖ **Khóa luận tốt nghiệp**

Sinh viên tìm hiểu có chọn lọc các chủ đề quan tâm, phù hợp với chuyên ngành được đào tạo, sinh viên sẽ được phân giảng viên hướng dẫn thực hiện đề tài và sinh viên sẽ bảo vệ luận văn trước hội đồng chấm luận văn theo thời gian quy định.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20...

